TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST
Ngày: 14 - 3 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Kiên Nhẫn.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Khôngtham gia phiên toà.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc Đ, sinh năm 1957 (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Chị Nguyễn Minh T1, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn T2 (Tên gọi khác N), sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp L, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Ngọc Đ trình bày:

Ngày 24/01/2019 âm lịch (ngày 28/02/2019 dương lịch), bà đứng ra làm đầu thảo tổ chức dây hụi mùa (04 tháng khui 01 lần), loại hụi có hoa hồng, có lãi, gồm 12 phần, số tiền góp 2.000.000 đồng/phần/kỳ, hụi mãn ngày 24/10/2022 âm lịch (ngày 17/11/2022 dương lịch). Vợ chồng chị Nguyễn Minh T1, anh Nguyễn Văn T2 tham gia góp 01 phần.

Tại kỳ khui hụi lần thứ 03, ngày 17/9/2019 âm lịch (ngày 15/10/2019 dương lịch) chị T1 khui hụi, trừ 500.000 đồng tiền hoa hồng, thực lĩnh số tiền 14.300.000 đồng. Bà giao đủ tiền cho chị T1, anh T2 cùng nhận và ký tên theo giấy giao tiền hụi viết tay ngày 17/9/2019 âm lịch (BL: 13). Sau khi nhận tiền, chị T1, anh T2 không thực hiện nghĩa vụ góp hụi chết. Nên bà phải xuất tiền ra để thanh toán cho các hụi viên khui lĩnh hụi tính đến nay là 07 kỳ, từ kỳ thứ 04 đến kỳ thứ 10, số tiền 14.000.000 đồng. Do không am hiểu pháp luật, đơn khởi kiện được viết vào tháng 7/2021, sau đó bà đề ngày 09/11/2021 mới nộp, nên đã không tính các kỳ hụi phát sinh. Vì thế, trong đơn bà yêu cầu chị T1, anh T2 cùng có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền 10.000.000 đồng là nợ hụi chết đã góp thay 05 kỳ, từ kỳ thứ 04 đến kỳ thứ 08 và tiếp tục thực hiện nghĩa vụ góp tiền hụi chết đến khi mãn hụi.

Nay bà xác định khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị T1 và anh T2 có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà số tiền 14.000.000 đồng hụi chết đã góp thay phát sinh 07 kỳ, từ kỳ thứ 04 đến kỳ thứ 10. Riêng 02 kỳ còn lại, từ kỳ thứ 11 đến kỳ thứ 12 chưa phát sinh nghĩa vụ nên bà đồng ý sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác nếu có phát sinh tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Nguyễn Minh T1, anh Nguyễn Văn T2 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T1, anh T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi thuộc loại vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về yêu cầu giải quyết và phạm vi đơn khởi kiện: Xét bà Đ yêu cầu chị T1 và anh T2 có nghĩa vụ trả lại số tiền 14.000.000 đồng đã góp hụi thay như nhận định tại mốc đơn [2] "*Về nội dung*", đồng ý đối với 02 kỳ hụi thứ 11 và 12 chưa phát sinh sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu có phát sinh tranh chấp là không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện, đúng quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T1, anh T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T1, anh T2 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về pháp luật áp dụng: Xét dây hụi (khui mở ngày 28/02/2019, mãn ngày 17/11/2022) được xác lập trước ngày Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường (gọi tắt là Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP) có hiệu lực đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Nghị định này. Căn cứ vào quy định tại Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2015 (gọi chung là Bộ luật Dân sự); khoản 3 Điều 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự và Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP quy định về họ, hụi, biêu, phường để giải quyết.

[2] Xét việc các hụi viên thỏa thuận xác lập, thực hiện hợp đồng góp hụi, loại hụi mùa có lãi, hưởng hoa hồng do bà Điệp tổ chức và làm đầu thảo, nhằm mục đích tương trợ vốn là đúng quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; các điều từ Điều 5 đến Điều 8, các điều 12, 13, 21 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP. Tại kỳ khui hụi lần thứ 03, chị Thư khui hụi, chị T1 và anh T2 cùng nhận tiền lĩnh hụi (BL: 13). Chị T1, anh T2 không góp hụi chết liên tiếp 07 kỳ đã phát sinh, từ kỳ thứ 04 đến kỳ thứ 10, bà Điệp đã góp thay số tiền 14.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm chị T1, anh T2 không có văn bản phản đối lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Do đó, việc bà Đ khởi kiện yêu cầu chị T1, anh T2 cùng có trách nhiệm trả lại số tiền 14.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 16, điểm a khoản 2 Điều 17, khoản 1 Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP. Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự, kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 14.000.000 đồng thì chị T1 và anh T2 còn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đ được Tòa án chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết chị T1 và anh T2 phải chịu án phí số tiền 700.000 đồng. Do bà Đ là người cao tuổi đã được Tòa án miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo đơn đề nghị nên không đặt ra xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 16, điểm a khoản 2 Điều 17, khoản 1 Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc Đ. Tuyên xử:

1. Buộc chị Nguyễn Minh T1 và anh Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Ngọc Đ số tiền 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Lê Ngọc Đ có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng thì người phải thi hành án chị Nguyễn Minh T1 và anh Nguyễn Văn T2 còn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Minh T1 và anh Nguyễn Văn T2 phải nộp án phí số tiền 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt bà Lê Ngọc Đ, vắng mặt chị Nguyễn Minh T1, anh Nguyễn Văn T2. Báo cho bà Điệp có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng chị T1, anh T2 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân